

DIỄN BIẾN TĂNG TRƯỞNG VÀ KHẢ NĂNG HOÀN THÀNH MỤC TIÊU NĂM 2014

Trần Thọ Đạt*, Hà Quỳnh Hoa**

Ngày nhận: 7/9/2014

Ngày nhận bản sửa: 15/10/2014

Ngày duyệt đăng: 20/10/2014

Tóm tắt

Kinh tế vĩ mô Việt Nam sau 9 tháng năm 2014 tiếp tục có những tín hiệu khả quan. Theo các chuyên gia kinh tế tại Diễn đàn Kinh tế Mùa thu, tỷ lệ lạm phát năm 2014 dự kiến đạt 4,5% thấp hơn nhiều so với mục tiêu 7% của Chính phủ, trong khi đó việc đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế 5,8% còn đang có nhiều ý kiến khác nhau. Bài viết này tổng quan diễn biến tăng trưởng kinh tế 9 tháng và đánh giá khả năng hoàn thành mục tiêu tăng trưởng năm 2014 dựa trên cơ sở nhìn nhận và phân tích các biến số phản ánh sự biến động của các thành tố thuộc về tổng cung và tổng cầu của nền kinh tế, cũng như việc thực thi hai chính sách cơ bản là chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa trong thời gian qua. Kết quả phân tích cho thấy tín hiệu phục hồi kinh tế đã tiếp tục thể hiện rõ: Tổng mức bán lẻ 9 tháng tăng 11,1% so với cùng kỳ 2013; Cán cân thương mại thặng dư gần 2,5 tỷ USD; FDI giải ngân tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2013; Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8,6% so với cùng kỳ; Chỉ số PMI tăng trở lại sau 3 tháng suy giảm; Cung tiền và tín dụng tăng cao hơn cùng kỳ năm 2013; Bội chi ngân sách nhà nước đạt ở mức 68,3% dự toán năm... Sự cải thiện về cả phía tổng cầu lẫn tổng cung trong bối cảnh lạm phát thấp có thể cho phép Chính phủ thực hiện nới lỏng hơn nữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa để chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2014 đạt và vượt kế hoạch đặt ra.

Từ khóa: Tăng trưởng, tổng cầu, tổng cung, cung tiền, chi tiêu chính phủ

A review of nine-month economic growth and possibility to achieve the growth target in 2014

Abstract:

After 9 months of 2014, Vietnam macroeconomy has continued to have positive signs. At Autumn Economic Forum 2014, most economists agreed that the inflation rate in 2014 was expected to be 4.5%, much lower than the target of 7% set by the Government, while the economic growth might not reach the target of 5.8%. This paper reviews 9 months of economic growth and assesses possibility to reach the target of economic growth. Based on analyzing elements of aggregate supply and aggregate demand, as well as the implementation of monetary policy and fiscal policy, the paper attempts to show that economic recovery signs have been becoming clearer. Over nine months of the year 2014, total retail sales of consumer goods and services increased by 11.1% compared to the same period in 2013; trade surplus was about US\$ 2.5 billion; estimated FDI capital disbursement rose by 3.2%. PMI in September rebounded after a 3-month slowdown. Money supply and credit increased with the higher rate, etc. In the context of low inflation, Vietnam government should consider to stimulate the economy by expansionary monetary and fiscal policies.

Keywords: Economic growth, aggregate demand, aggregate supply, money supply, government expenditure.

1. Giới thiệu

Tổng sản phẩm trong nước 9 tháng năm 2014 ước tính tăng 5,62% so với cùng kỳ năm 2013, trong đó quý I tăng 5,09%; quý II tăng 5,42%; quý III tăng 6,19%. Đây là mức tăng cao nhất so với 2 năm trước. Đặc biệt tỷ lệ tăng trưởng của quý III đã vượt tỷ lệ tăng trưởng của quý tương ứng năm 2011.¹ Điều này cho thấy dấu hiệu tích cực của đà phục hồi của nền kinh tế năm 2014.

Tại Diễn đàn Kinh tế Mùa thu, khi đề cập tới khả năng hoàn thành mục tiêu lạm phát và tăng trưởng của năm 2014, các chuyên gia kinh tế cho rằng tỷ lệ lạm phát năm 2014 hầu như chắc chắn đạt được mục tiêu (dự kiến đạt 4,5%), trong khi mục tiêu tăng trưởng kinh tế 5,8% còn đang gây tranh cãi (Trương Đình Tuyển, 2014; Trần Thọ Đạt và cộng sự, 2014).

Để có thể nhận diện khả năng hoàn thành mục tiêu tăng trưởng như Chính phủ đã đặt ra cho năm 2014 thì rất cần có những quan sát và đánh giá từ nhiều phía, từ phía thị trường và từ phía chính sách. Trên giác độ kinh tế vĩ mô, bài viết sẽ phân tích và đánh giá khả năng đạt kế hoạch về tăng trưởng trên cơ sở nhìn nhận và phân tích các yếu tố từ phía tổng cầu, tổng cung và chính sách tiền tệ và tài khóa.

2. Xu hướng biến động của tổng cầu

Tổng cầu (AD) của nền kinh tế bao gồm: chi tiêu của hộ gia đình (C), chi tiêu đầu tư của khu vực tư nhân (I), chi tiêu Chính phủ (G, gồm chi đầu tư phát triển và chi tiêu thường xuyên của Chính phủ) và xuất khẩu ròng (NX). Để thấy được xu hướng biến

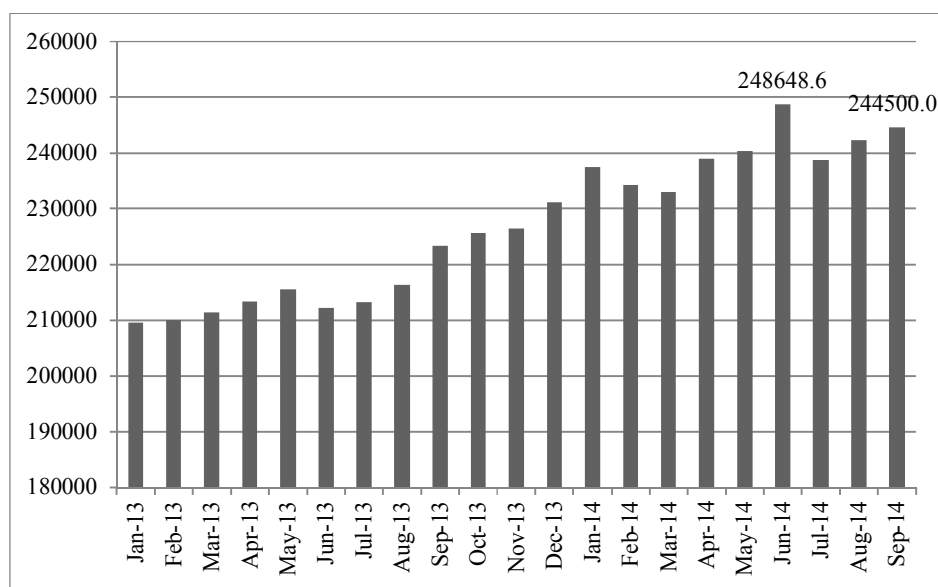
động của tổng cầu theo tháng, nghiên cứu này sử dụng số liệu thu thập từ Tổng cục Thống kê. Do số liệu về chi tiêu của hộ gia đình không có theo tháng nên xu hướng biến động của C sẽ được phân tích thông qua số liệu về tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng. Xu hướng biến động của đầu tư của khu vực tư nhân và đầu tư từ ngân sách nhà nước được phân tích thông qua số liệu theo tháng về giá trị tổng đầu tư của toàn xã hội (gồm đầu tư từ ngân sách nhà nước, đầu tư nước ngoài, đầu tư từ ngoài ngân sách). Chi tiêu Chính phủ được phân tích thông qua số liệu về đầu tư của toàn xã hội và chi ngân sách.

2.1. Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 9 đạt 244,5 nghìn tỷ đồng (Hình 1), tăng 0,7% so với tháng trước và tăng 9,1% so với cùng kỳ năm trước. Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 9 là cao nhất kể từ đầu năm (ngoại trừ tháng 6) cho thấy xu hướng tích cực từ phía tiêu dùng của nền kinh tế.

Tính chung 9 tháng năm 2014, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước đạt 2145,5 nghìn tỷ đồng, tăng 11,1% so với cùng kỳ năm 2013, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 6,2%, cao hơn mức tăng 5,4% của cùng kỳ năm 2013. Nhìn chung, giá cả thị trường trong những tháng qua khá ổn định, đây là một trong những yếu tố làm cho mức tiêu thụ hàng hóa tiêu dùng trong nước có phần được cải thiện hơn. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và

Hình 1: Tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (triệu đồng)



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

doanh thu dịch vụ tiêu dùng 9 tháng của khu vực kinh tế nhà nước tăng 8,4%; kinh tế ngoài nhà nước tăng 11,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 21,6%.

Hiện tại, chỉ số niềm tin người tiêu dùng Việt Nam CCI² tháng 9³ đạt 135 điểm, giảm nhẹ so với tháng 8 (0,5 điểm), cao hơn chỉ số trung bình 132,1 của 8 tháng đầu năm 2014. Lý do chính khiến niềm tin của người tiêu dùng Việt Nam giảm nhẹ trong tháng này là do số lượng người tiêu dùng đánh giá “đây là thời điểm xấu” để mua các vật dụng chính trong gia đình đã tăng lên. Kết quả điều tra cho thấy kỳ vọng tốt về tình hình tài chính cá nhân, 58% người Việt Nam (tăng 2% so với tháng trước) dự đoán rằng tài chính gia đình họ sẽ “tốt hơn” vào thời điểm này năm tới (mức cao nhất trong năm 2014), trong khi đó, chỉ có 5% số người được hỏi (không thay đổi so với tháng trước) cho rằng tình hình tài chính gia đình của mình sẽ “xấu hơn”. So sánh tình hình tài chính hiện tại và quá khứ cho thấy 31% người Việt Nam (giảm 1% so với tháng trước) nói rằng tình hình tài chính của gia đình họ vào thời điểm hiện nay “tốt hơn” năm trước, 21% số người được hỏi (không thay đổi so với tháng trước) nói rằng tình hình tài chính của gia đình họ “xấu hơn” năm ngoái. Nhận xét về tình hình kinh tế Việt Nam, số liệu điều tra cho thấy có tới 54% (tăng 3% so với tháng trước) người được hỏi dự đoán rằng tình hình tài chính Việt Nam sẽ ở “trạng thái tốt” trong vòng 12 tháng tới, và chỉ có 14% (giảm 1% so với tháng trước) người tiêu dùng Việt dự đoán rằng

tình hình tài chính Việt Nam sẽ ở “trạng thái xấu”.

Như vậy, mặc dù chỉ số niềm tin người tiêu dùng Việt Nam CCI tháng 9 có giảm nhẹ so với tháng 8 nhưng tỷ lệ người tiêu dùng Việt Nam có kỳ vọng tốt về tình hình tài chính của họ và tình hình tài chính của cả nước trong năm tới đã tăng lên so với tháng 8. Cùng với sự gia tăng trong tổng mức hàng hóa bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 9, tiêu dùng cuối cùng trong tổng cầu của nền kinh tế đang cho tín hiệu tốt.

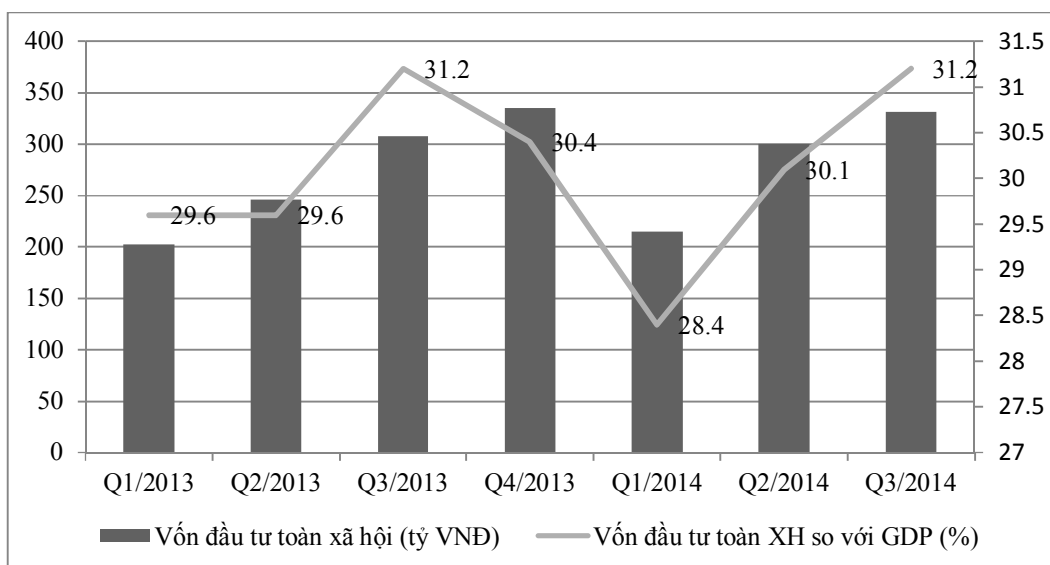
2.2. Đầu tư

Vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện 9 tháng năm 2014 theo giá hiện hành ước tính đạt 833,9 nghìn tỷ đồng, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước và bằng 31,2% GDP (Hình 2). Vốn đầu tư toàn xã hội quý 3 đạt 331,4 tỷ đồng, tăng 10,5% so với quý 2 và tăng 7,8% so với cùng kỳ năm 2013.

Về cơ cấu đầu tư, kết thúc tháng 9, đầu tư từ ngoài ngân sách nhà nước hiện chiếm tỷ trọng cao nhất (41,6%), tiếp đó là đầu tư từ ngân sách nhà nước (đạt 39,5%, thấp hơn mức tăng bình quân quý của năm 2013, 39,9%) và khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có tỷ trọng đầu tư đang trong xu hướng giảm, từ tỷ lệ 27,4% trong quý I đã giảm xuống 18,9% trong quý III. Với xu hướng tăng lên trong tỷ trọng đầu tư ngoài ngân sách nhà nước của quý III cho thấy nền kinh tế đã có sự thay đổi cơ cấu đầu tư toàn xã hội.

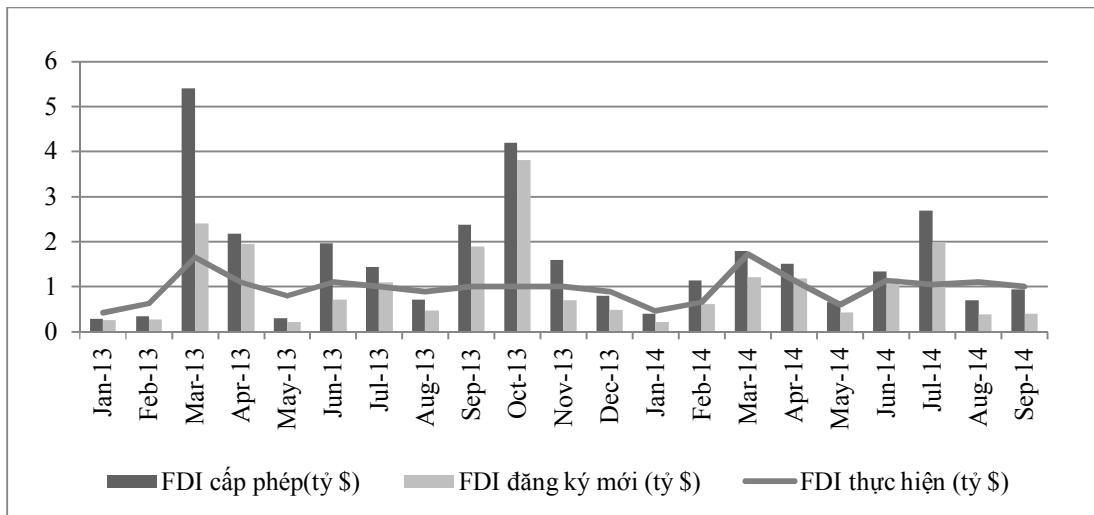
Xu hướng giảm của khu vực có vốn đầu tư nước ngoài có thể được nhìn nhận bằng hoạt động đầu tư

Hình 2: Vốn đầu tư toàn xã hội (tỷ VND) và tỷ lệ vốn đầu tư toàn xã hội so với GDP (%)



Ghi chú: Tỷ trọng vốn đầu tư toàn XH so với GDP được tính lũy kế từ đầu năm
 Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

Hình 3: FDI cấp phép, FDI đăng ký mới và FDI thực hiện theo tháng



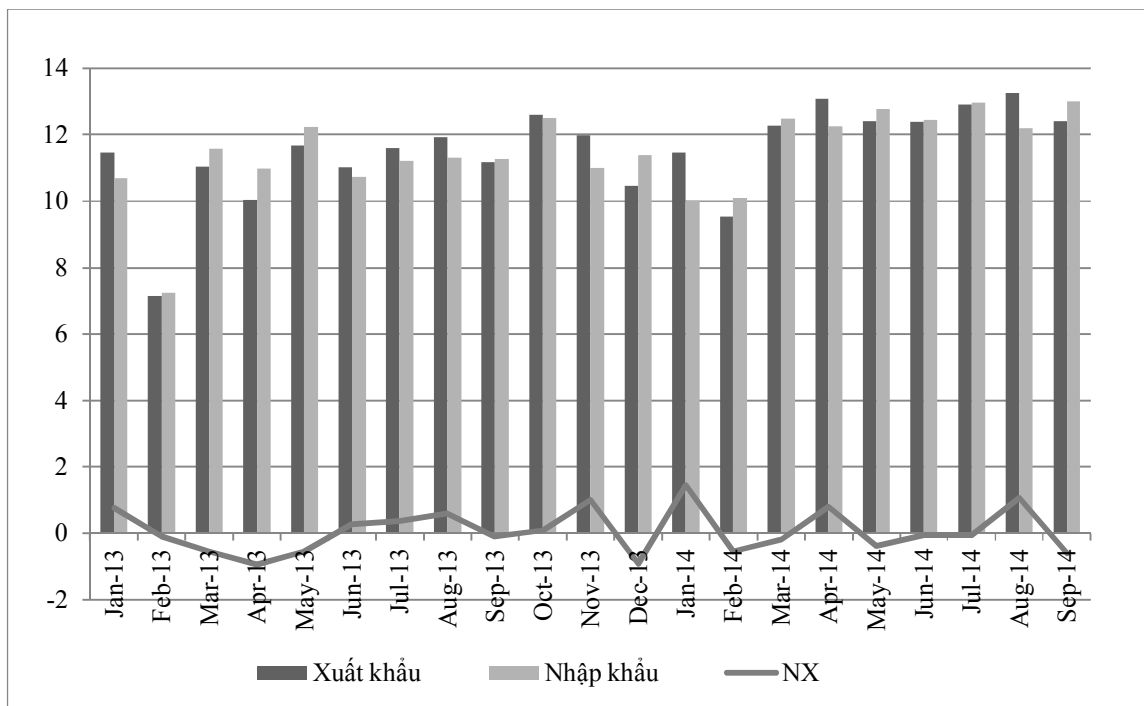
Ghi chú: số liệu lấy vào ngày 20 hàng tháng
 Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

trực tiếp nước ngoài thời gian qua. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài từ đầu năm đến thời điểm 20/9/2014 thu hút 1152 dự án được cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 7637,8 triệu USD, tăng 32,1% về số dự án và giảm 17,8% về số vốn so với cùng kỳ năm 2013. Đồng thời có 417 lượt dự án đã cấp phép từ các năm trước được cấp vốn bổ sung với 3544,8 triệu USD. Như vậy, tổng vốn đăng ký của các dự án cấp mới và vốn cấp bổ sung đạt 11182,6 triệu USD, giảm 25,5% so với cùng kỳ năm 2013. Vốn

đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện 9 tháng năm nay ước tính đạt 8,9 tỷ USD, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước.

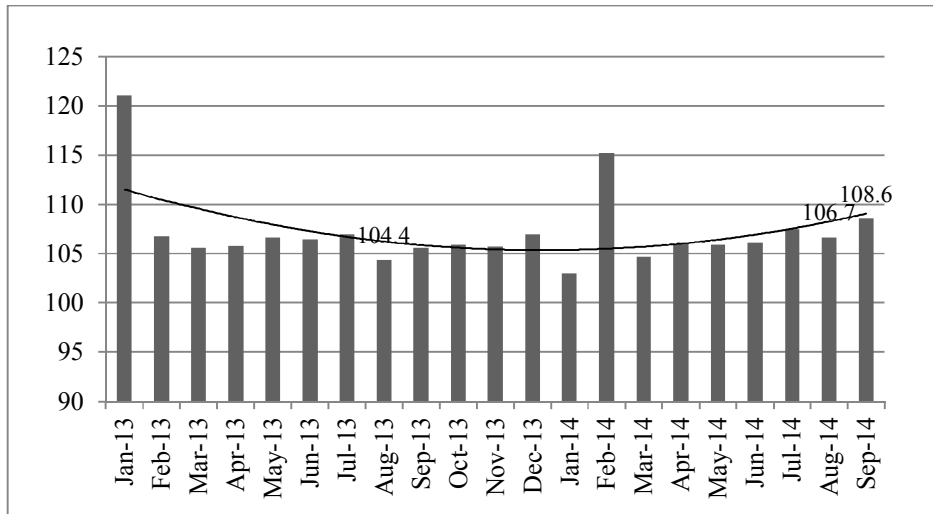
Trong 9 tháng, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút được nhiều nhất các nhà đầu tư nước ngoài (vốn đăng ký đạt 7702,1 triệu USD, chiếm 68,9% tổng vốn đăng ký); nhà đầu tư nước ngoài lớn nhất vào Việt Nam là Hàn Quốc (2572,9 triệu USD, chiếm 33,7% tổng vốn đăng ký cấp mới). Tổng số vốn FDI cấp phép và đăng ký mới của

Hình 4: Kim ngạch xuất nhập khẩu và cán cân thương mại thực hiện theo tháng (tỷ USD)



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

Hình 5: Chỉ số sản xuất công nghiệp so với cùng kỳ năm trước (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

tháng 9 năm 2014 đều thấp hơn so với cùng kỳ năm 2013 (Hình 3). Điều này cho thấy sự khó khăn trong việc huy động nguồn vốn này trong tăng trưởng kinh tế của nước ta hiện nay.

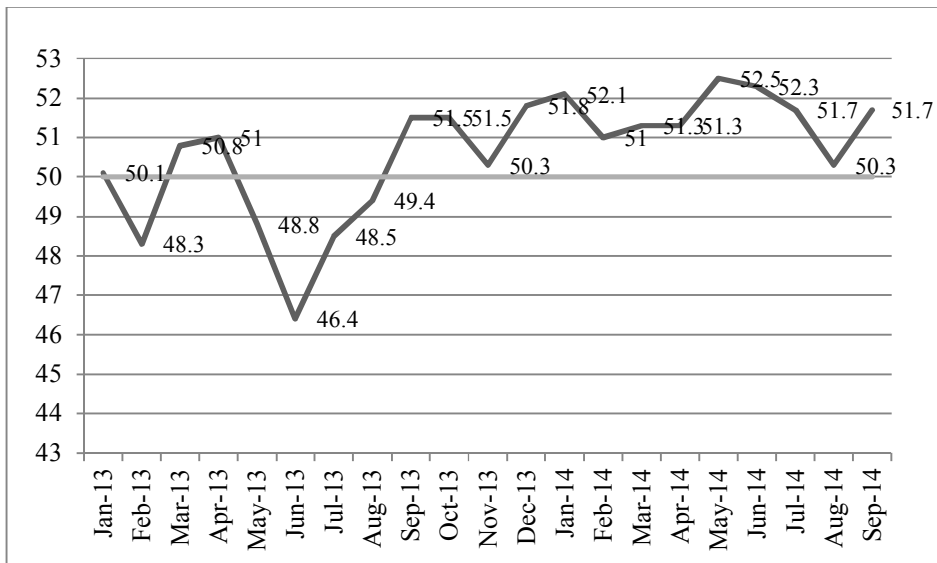
2.3. Xuất, nhập khẩu

Kim ngạch hàng hóa xuất khẩu tháng 9/2014 (Hình 4) ước tính đạt 12,4 tỷ USD, giảm 6,6% so với tháng trước và tăng 12,3% so với cùng kỳ năm 2013. Kim ngạch hàng hóa nhập khẩu ước tính đạt 13 tỷ USD, tăng 6,6% so với tháng trước và tăng 14,5% so với cùng kỳ năm 2013. Sự suy giảm trong xuất khẩu và tăng lên trong nhập khẩu của tháng 9 đã làm cho cán cân thương mại tháng 9 ước tính nhập siêu 600 triệu USD.

Tính chung 9 tháng, xuất siêu ước tính khoảng 2,5 tỷ USD. Trong đó, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài xuất siêu 12,7 tỷ USD, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 10,2 tỷ USD. Xuất siêu ở mức cao cho thấy việc tiếp cận thị trường ngoài nước đối với hàng hóa xuất xứ Việt Nam đã có nhiều cải thiện, góp phần ổn định tỷ giá, cung cầu ngoại tệ trong nước. Tuy nhiên, xuất siêu chủ yếu vẫn thuộc khu vực có vốn đầu tư nước ngoài với hàng gia công lắp ráp từ nguyên liệu nhập khẩu là chính cho thấy hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa của nước ta mang lại hiệu quả chưa cao và thiếu tính bền vững.

Về tỷ trọng xuất khẩu, chủ yếu vẫn thuộc về khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Về thị trường xuất khẩu, Hoa Kỳ vẫn đứng đầu với kim

Hình 6: Chỉ số quản trị mua hàng PMI



Nguồn: HSBC

ngạch ước tính đạt 21 tỷ USD, tăng 22,7% so với cùng kỳ năm 2013.

Đối với nhập khẩu, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài nhập nhiều nhất (chiếm 56% kim ngạch nhập khẩu), nhóm hàng tư liệu sản xuất có tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch nhập khẩu (93,5%), thị trường nhập khẩu lớn nhất là Trung Quốc (ước 31,1 tỷ USD, tăng 15,6% so với cùng kỳ năm 2013).

Tóm lại, việc phân tích xu hướng thay đổi của các thành phần của tổng cầu cho thấy các thành phần của tổng cầu đang có xu hướng tăng trở lại cùng với tín hiệu lạc quan hơn về sự phát triển kinh tế, đặc biệt là với chỉ số niềm tin của người tiêu dùng.

3. Xu hướng biến động của tổng cung

Xu hướng biến động của tổng cung được thực hiện phân tích gián tiếp thông qua chỉ số sản xuất công nghiệp (IPI-Industrial Production Index), chỉ số hàng tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (SI- Stock indexes) và chỉ số quản trị mua hàng (PMI- Purchasing Managers Index).

3.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IPI)

Theo Tổng cục Thống kê, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (Hình 5) đang trong xu hướng tăng trở lại. Tháng 9, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 8,6%, cao hơn so với cùng kỳ năm trước (5,6%), trong đó công nghiệp khai khoáng tăng 5,6%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,2%; sản xuất và phân phối điện tăng 12,6%; cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải tăng 6,8%.

3.2. Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo (SI)

Chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tại thời điểm 01/9/2014 tăng 11,6% so với cùng kỳ năm 2013, thấp hơn so với tỷ lệ này của tháng 8 (13,4%). Một số ngành có chỉ số tồn kho giảm hoặc tăng thấp hơn mức tăng chung: Sản xuất sản phẩm thuốc lá giảm 21,8%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế giảm 16,5%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác giảm 8,0%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan giảm 0,4%; sản xuất thiết bị điện tăng 6,2%; dệt tăng 6,5%.

3.3. Chỉ số quản trị mua hàng (PMI)

Theo số liệu thu thập được, kể từ tháng 9 năm 2013 đến nay (Hình 6), chỉ số PMI⁴ liên tục cao hơn ngưỡng 50 điểm. Điều này cho thấy thời gian vừa qua, các nhà quản trị mua hàng đều nhận thấy điều kiện kinh doanh ngày càng có sự cải thiện. Tháng 9, chỉ số PMI đạt 51,7 điểm đưa chỉ số PMI tăng trở lại sau 3 tháng suy giảm do ảnh hưởng của sự kiện Biển Đông.

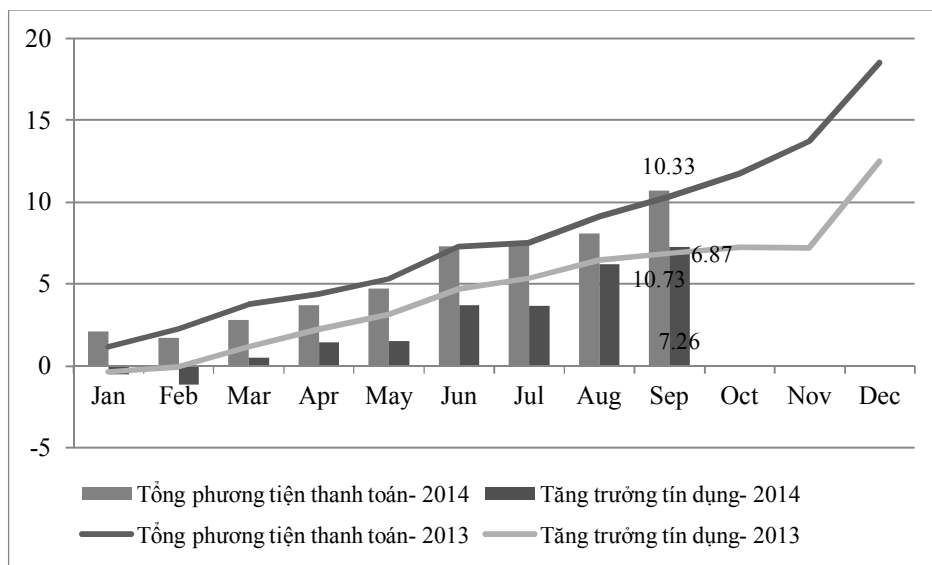
Như vậy, kết thúc tháng 9, chỉ số sản xuất công nghiệp và chỉ số PMI đã tăng trở lại cùng với xu hướng giảm trong chỉ số hàng tồn kho đã có thể phần nào cho thấy tín hiệu tốt lên từ phía sản xuất của nền kinh tế.

4. Chính sách kinh tế vĩ mô

4.1. Chính sách tiền tệ

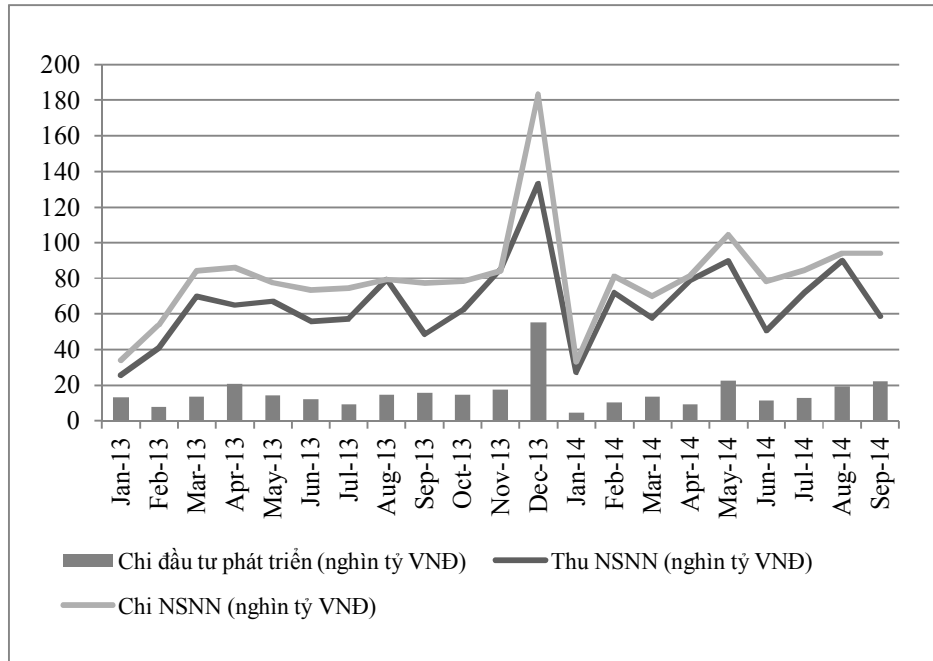
Thực hiện Chỉ thị số 01/CT-NHNN (ngày 15/1/2014) của Thống đốc Ngân hàng Nhà

Hình 7: Tỷ lệ tăng so với đầu năm của tổng phương tiện thanh toán và tăng trưởng tín dụng các tháng năm 2013 và 2014 (%)



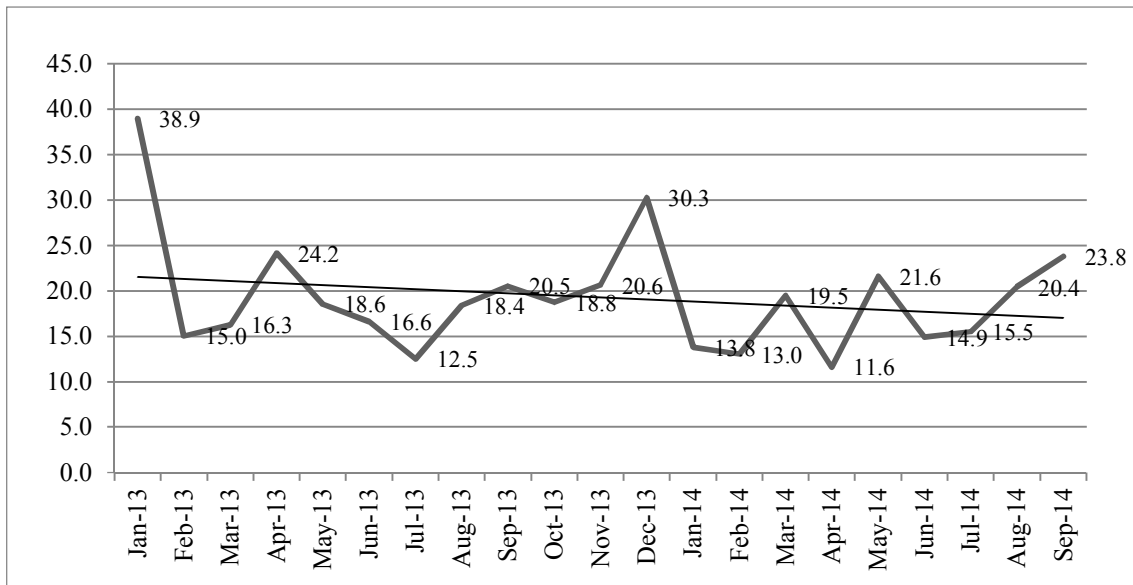
Nguồn: Ngân hàng Nhà nước

Hình 8: Tổng thu ngân sách nhà nước, tổng chi ngân sách nhà nước và chi đầu tư phát triển theo tháng (nghìn tỷ VND)



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

Hình 9: Tỷ trọng chi đầu tư phát triển so với tổng chi ngân sách nhà nước theo tháng (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam

nước Việt Nam về tổ chức thực hiện chính sách tiền tệ và đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả năm 2014, kể từ đầu năm 2014, chính sách tiền tệ được thực hiện theo hướng nới lỏng. Tỷ lệ tăng trưởng tín dụng của tháng 8 và 9 năm 2014 đã tăng trở lại (Hình 7). Đặc biệt tỷ lệ tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán và tăng trưởng tín dụng tháng 9 lần đầu tiên trong năm 2014 đã vượt tỷ lệ tăng của cùng kỳ năm 2013.

Tín dụng tăng cho thấy khả năng hấp thụ vốn của

nền kinh tế đã tăng trở lại. Đó cũng chính là nhờ việc Ngân hàng Nhà nước đã đưa ra những điều chỉnh nhằm làm giảm chi phí vay vốn như việc điều chỉnh giảm lãi suất tái cấp vốn, giảm lãi suất tái chiết khấu, hạ lãi suất trần huy động tiền gửi ngắn hạn... Ngân hàng Nhà nước cũng đã và đang thúc đẩy hoạt động tín dụng theo hướng tập trung vào các ngành, lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ (gói 30.000 tỷ đồng tháo gỡ khó khăn cho thị trường bất động sản, gói 16.000 tỷ đồng để hỗ trợ

Bảng 1: Dự báo triển vọng kinh tế Việt Nam 2014-2015 (%)

Tổ chức công bố	Tăng trưởng	
	2014	2015
Mục tiêu của Chính phủ	5,8	6,2
ADB ^a	5,5	5,7
WB ^b	5,4	5,5
UBGSTCQG ^c	5.6- 5.7 ⁵	

Ghi chú:

(a) Báo cáo triển vọng phát triển Châu Á 2014 cập nhật: ASIA trong chuỗi giá trị gia tăng toàn cầu (Tháng 9/2014)⁶;

(b) Cập nhật tình hình phát triển kinh tế Việt Nam (Tháng 7/2014)⁷;

(c) Dự báo của Ủy ban giám sát Tài chính Quốc gia.

Nguồn: tập hợp từ các báo cáo

ngư dân đóng tàu đánh bắt xa bờ, đóng tàu trang thiết bị cho lực lượng cảnh sát biển, lực lượng kiểm ngư) và lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả trong nền kinh tế.

Với nỗ lực của Ngân hàng Nhà nước, dư nợ tín dụng tăng, tạo khả năng đạt chỉ tiêu tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 16-18%, tín dụng tăng khoảng 12-14%.

4.2. Chính sách tài khóa

Đến thời điểm 15/9/2014, tổng thu ngân sách Nhà nước ước tính đạt 597,6 nghìn tỷ đồng, bằng 76,3% dự toán năm và tăng 17,2% so với cùng kỳ 2013. Tổng chi ngân sách Nhà nước ước tính đạt 722 nghìn tỷ đồng, bằng 71,7% dự toán, tăng 12,7% so với cùng kỳ 2013. Ngân sách nhà nước ước bội chi 124,4 nghìn tỷ đồng, bằng 68,3% dự toán năm 2014.

Thu và chi ngân sách nhà nước theo tháng (Hình 8) có xu hướng đều tăng. Chi đầu tư phát triển 9 tháng đạt 127,3 nghìn tỷ VNĐ, tăng 11,6% so với cùng kỳ năm 2013. Tỷ trọng chi đầu tư phát triển so với chi ngân sách nhà nước theo tháng 3 tháng gần đây đang có xu hướng tăng lên. Tỷ lệ chi đầu tư phát triển so với chi ngân sách nhà nước tháng 9 đạt mức cao nhất kể từ đầu năm 2014 và đã vượt qua mức trung bình tháng của năm 2013 (20,9%).

5. Dự báo và đánh giá khả năng hoàn thành kế hoạch tăng trưởng 2014

Hiện tại, các kết quả dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2014 (Bảng 1) đều được dự báo thấp hơn mục tiêu tăng trưởng mà Chính phủ đã đặt ra (5,8%). Kết quả dự báo mới của nghiên cứu này cho thấy tỷ lệ tăng trưởng quý IV năm 2014 ước đạt là 6,23%, cả năm 2014 là khoảng 5,69%. Tỷ lệ tăng trưởng này đã tiến gần hơn tới mục tiêu 5,8% so với các dự báo được thực hiện trước đó⁸. Đối với năm 2015, tăng trưởng được dự báo cao hơn với tốc độ

khoảng 6,04%, cao hơn năm 2014.

Như vậy, từ phân tích thực tiễn và kết quả dự báo tăng trưởng nêu trên, có thể khẳng định mục tiêu tăng trưởng mà Chính phủ đặt ra cho năm 2014 có khả năng hoàn thành cao. Các căn cứ của nhận định này bao gồm:

- Kết quả dự báo tăng trưởng tiến gần hơn với mục tiêu 5,8% so với các dự báo trước đó.

- Các thành phần của tổng cầu đang có xu hướng tăng trở lại cùng với tín hiệu lạc quan hơn về sự phát triển kinh tế khi 58% người Việt Nam dự đoán rằng tài chính gia đình họ sẽ “tốt hơn”, 54% dự đoán rằng tình hình tài chính Việt Nam sẽ ở “trạng thái tốt” trong vòng 12 tháng tới.

- Chỉ số sản xuất công nghiệp và chỉ số PMI đã tăng trở lại cùng với xu hướng giảm trong chỉ số hàng tồn kho.

- Ngân hàng Nhà nước có khả năng đạt chỉ tiêu tổng phương tiện thanh toán tăng khoảng 16-18% và tín dụng tăng khoảng 12-14%.

- Tỷ lệ chi đầu tư phát triển so với chi ngân sách nhà nước tháng 9 đạt mức cao nhất kể từ đầu năm 2014 và đã vượt qua mức trung bình tháng của năm 2013 (20,9%).

6. Kết luận

Kinh tế Việt Nam sau 9 tháng năm 2014 đã có nhiều tín hiệu có thể lạc quan về khả năng hoàn thành mục tiêu tăng trưởng kinh tế 5,8%: Tổng mức bán lẻ tăng 11,1% so với cùng kỳ 2013; Cán cân thương mại thặng dư gần 2,5 tỷ USD; FDI giải ngân tăng 3,2% so với cùng kỳ năm 2013; Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8,6% so với cùng kỳ; Chỉ số PMI tăng trở lại sau 3 tháng suy giảm, chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa đang được thực hiện theo chiều hướng nói lỏng. Cung tiền và tín dụng 9 tháng đã tăng cao hơn cùng kỳ năm 2013. Bội chi ngân

sách nhà nước đạt ở mức 68,3% dự toán năm. Thông qua các biến số phản ánh sự biến động của các thành tố thuộc về tổng cung, tổng cầu và kết quả hoạt động của chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa sau tháng 9 cho thấy tín hiệu phục hồi của nền

kinh tế năm 2014 ngày càng rõ nét hơn. Với thực tế lạm phát thấp như hiện nay, chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa có thể được thực hiện nới lỏng hơn nữa để chỉ tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2014 đạt và vượt kế hoạch Chính phủ đặt ra. □

Ghi chú:

- 1 Tỷ lệ tăng trưởng quý III năm 2011 là 6,12%, tỷ lệ tăng trưởng của năm 2011 là 6,24%
- 2 Vietnam CCI (Vietnam Consumer Confidence Index): Đo lường mức độ lạc quan của người tiêu dùng Việt Nam - do Ngân hàng ANZ kết hợp cùng Roy Morgan Research thực hiện.
3. <http://citinews.net/kinh-doanh/ngan-hang-anz—chi-so-niem-tin-nguoi-tieu-dung-viet-nam-thang-9-giam-nhe-D2MVPNI/>
4. Chỉ số Nhà Quản trị mua hàng ngành sản xuất tại Việt Nam của HSBC được xây dựng trên dữ liệu thu thập hàng tháng từ 400 nhà quản trị mua hàng ở các doanh nghiệp sản xuất tham gia trả lời các bảng câu hỏi khảo sát. Nhóm khảo sát được phân theo khu vực địa lý và theo Tiêu chuẩn Phân Ngành (SIC) dựa trên sự đóng góp của ngành vào GDP của Việt Nam. Chỉ số trên 50 điểm cho thấy các điều kiện kinh doanh đang được cải thiện so với tháng trước, ngược lại kết quả dưới 50 điểm cho thấy sự giảm sút.
5. <http://youstock.vn/neu-khong-ho-tro-tong-cau-tang-truong-nam-2014-chi-5-6—5-7—396.html>
6. ADB (2014).
7. <http://www.worldbank.org/vi/news/feature/2014/07/08/key-findings-of-taking-stock-an-update-on-vietnams-recent-economic-developments-july-2014>
8. Trong đó, có dự báo của nhóm nghiên cứu trường Đại học Kinh tế Quốc dân thực hiện vào tháng 6/2014 và tháng 4/2014. Xem chi tiết bài: “Kinh tế Việt Nam nửa chặng đường 2014 và dự báo”, Kỷ yếu hội thảo khoa học: “Kinh tế Việt Nam 6 tháng đầu năm 2014: Những thách thức mới”, trang 1- 20; “Dự báo tăng trưởng và lạm phát năm 2014 – 2015”, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 8 (568), tháng 4/2014, trang 15-18.

Tài liệu tham khảo

- ADB (2014), *Asian Development Outlook 2014 Update: Asia in Global Value Chains*, September.
- Trần Thọ Đạt, Nguyễn Việt Hùng và Hà Quỳnh Hoa (2014) (2014), ‘Tăng trưởng và lạm phát Việt Nam 8 tháng 2014 và dự báo’, Diễn đàn Kinh tế mùa thu 2014, *Tái cơ cấu nền kinh tế: Kỳ vọng chuyển biến mạnh mẽ và cơ bản*, Ủy ban Kinh tế Quốc hội, Viện hàn lâm khoa học xã hội, VCCI, UNDP, Ninh Bình 27-28/9/2014, tr. 12-30.
- Trương Đình Tuyên (2014), ‘Kinh tế Việt Nam 2014 và triển vọng 2015’, Diễn đàn Kinh tế mùa thu 2014, *Tái cơ cấu nền kinh tế: Kỳ vọng chuyển biến mạnh mẽ và cơ bản*, Ủy ban Kinh tế Quốc hội, Viện hàn lâm khoa học xã hội, VCCI, UNDP, Ninh Bình 27-28/9/2014, tr. 3-11.

Thông tin tác giả:

***Trần Thọ Đạt**, Giáo sư, tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế quốc dân

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế, kinh tế học biến đổi khí hậu.

- Một số Tạp chí đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, *Journal of Economics and Development*, *Vietnam's Socio-Economic Development Review*.

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: tranthodat@neu.edu.vn

** **Hà Quỳnh Hoa**, Tiến sĩ

- Tổ chức tác giả công tác: Bộ môn Kinh tế Vĩ mô, Khoa Kinh tế học, Trường Đại học KTQD

- Lĩnh vực nghiên cứu chính: Kinh tế học, Phân tích chính sách Kinh tế vĩ mô, Chính sách tiền tệ, Chính sách tài khóa, Tài chính, Ngân hàng.

- Một số Tạp chí đã từng đăng tải công trình nghiên cứu: *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, *Journal of Economics and Development*, *Vietnam's Socio-Economic Development Review*, *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*.

- Địa chỉ liên hệ: Địa chỉ Email: hoahq.neu@gmail.com